ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN SƠN NHẤT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1667/QĐ-UBND	*Tân Sơn Nhất, ngày 28 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đình Khơi, đường Bến Cát, đoạn đường Ba Gia, đoạn đường Vân Côi, 15 Đặng Lộ và các hẻm nhánh, phường Tân Sơn Nhất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buôc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghi định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3732/UBND-DA ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh mục dự án và dự kiến mức vốn hỗ trợ cho các xã, phường, đặc khu trong dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 487/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4570/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Về đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông báo số 28977/TB-SXD-KTVLXD ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tháng 7 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhất về giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị là cơ quan chuyên môn về đầu tư công và cơ quan quản lý xây dựng các dự án đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhất về giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất làm chủ đầu tư các dự án đầu tư công giai đoạn 2026-2030.

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhất về giao Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu;

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhất về chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đình Khơi, đường Bến Cát, đoạn đường Ba Gia, đoạn đường Vân Côi, 15 Đặng Lộ và các hẻm nhánh, phường Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Công văn số 403/KTHTĐT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đình Khơi, đường Bến Cát, đoạn đường Ba Gia, đoạn đường Vân Côi, 15 Đặng Lộ và các hẻm nhánh, phường Tân Sơn Nhất;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất tại Tờ trình số 421/TTr-BQL ngày 26 tháng 8 năm 2026 về việc thẩm định phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đình Khơi, đường Bến Cát, đoạn đường Ba Gia, đoạn đường Vân Côi, 15 Đặng Lộ và các hẻm nhánh, phường Tân Sơn Nhất.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đình Khơi, đường Bến Cát, đoạn đường Ba Gia, đoạn đường Vân Côi, 15 Đặng Lộ và các hẻm nhánh, phường Tân Sơn Nhất với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đình Khơi, đường Bến Cát, đoạn đường Ba Gia, đoạn đường Vân Côi, 15 Đặng Lộ và các hẻm nhánh, phường Tân Sơn Nhất.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm C.
- Loại công trình: Công trình giao thông.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: 15 năm.

3. Mã định danh: 7926419746500.

4. Địa điểm xây dựng, hướng tuyến công trình:

4.1. Địa điểm xây dựng: phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Hướng tuyến công trình:

- Tổng chiều dài khoảng 4.039,37m, gồm 30 nhánh hẻm, cụ thể như sau:

+ Nhánh 1 - đường Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giáp với đường Hoàng Văn Thụ, cuối tuyến giáp hẻm 35 Lê Bình, chiều dài nhánh khoảng 181,98m.

+ Nhánh 2 - hẻm 8 Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giáp đường Nguyễn Đình Khơi cuối tuyến giáp hẻm 35 Lê Bình, chiều dài nhánh khoảng 286,79m.

+ Nhánh 3 - hẻm 686/17 Cách Mạng Tháng Tám, gồm 3 đoạn:

- Đoạn 1: Từ hẻm 686 Cách Mạng Tháng Tám đến số nhà 686/17/17 Cách Mạng Tháng Tám, chiều dài 49,71m.
- Đoạn 2: Từ đoạn 1 đến số nhà 686/17/9D Cách Mạng Tháng Tám, chiều dài 28,48m.
- Đoạn 3: Từ đoạn 2 đến số nhà 766/16/27 Cách Mạng Tháng Tám, chiều dài 45,32m.

+ Nhánh 4 - hẻm 35 Lê Bình: đầu tuyến giáp đường Lê Bình cuối tuyến giáp đường Nguyễn Đình Khơi, chiều dài nhánh khoảng 140,6m.

+ Nhánh 5 - hẻm số 42 Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giáp đường Nguyễn Đình Khơi (nhà số 42/2), cuối tuyến đường Nguyễn Đình Khơi (nhà số 42/1), chiều dài nhánh khoảng 123,67m.

+ Nhánh 6 - hẻm số 1 Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giáp đường Nguyễn Đình Khơi, cuối tuyến giáp hẻm 27 Nguyễn Đình Khơi, chiều dài nhánh khoảng 106,46m.

+ Nhánh 7 - nhánh hẻm số 1/2 Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giáp hẻm số

1 Nguyễn Đình Khơi, cuối tuyến giáp nhà số 1/25 Nguyễn Đình Khơi, chiều dài nhánh khoảng 62,91m.

+ Nhánh 8 - hẻm 27 Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giáp đường Nguyễn Đình Khơi, cuối tuyến giáp đường Út Tịch, chiều dài nhánh khoảng 180,33m.

+ Nhánh 9 - hẻm 31 Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giáp đường Nguyễn Đình Khơi cuối tuyến là hẻm cụt, chiều dài nhánh khoảng 155,01m.

+ Nhánh 10 - đường Tự Cường, gồm 2 đoạn:

• Đoạn 1: đầu tuyến giáp đường Tự Lập cuối tuyến giáp hẻm 1054 Cách Mạng Tháng Tám chiều dài nhánh khoảng 258,38m.

• Đoạn 2: đầu tuyến giáp đường Cách Mạng Tháng Tám cuối tuyến giáp nhà số 49 Tự Cường chiều dài nhánh khoảng 43,88m.

+ Nhánh 11 - đường Đông Sơn: đầu tuyến giáp đường Ba Gia cuối tuyến giáp đường Vân Côi, chiều dài nhánh khoảng 191,83m.

+ Nhánh 12 - hẻm 33 Đặng Lộ: đầu tuyến giáp đường Đặng Lộ cuối tuyến là hẻm cụt chiều dài nhánh khoảng 66,05m.

+ Nhánh 13 - đường Vân Côi: đầu tuyến giáp đường Bành Văn Trân cuối tuyến giáp với nhà số 8 Vân Côi, chiều dài nhánh khoảng 352,03m.

+ Nhánh 14 - hẻm 30 Đặng Lộ đầu tuyến giáp đường Đặng Lộ, cuối tuyến giáp đường Vân Côi, chiều dài khoảng 52,47m.

+ Nhánh 15 - hẻm 38 Đặng Lộ đầu tuyến giáp đường Đặng Lộ, cuối tuyến giáp đường Vân Côi, chiều dài khoảng 48,33m.

+ Nhánh 16 - hẻm 56 Vân Côi: đầu tuyến giáp đường Vân Côi, cuối tuyến là hẻm cụt, chiều dài khoảng 65,84m.

+ Nhánh 17 - hẻm 62 Vân Côi: đầu tuyến giáp đường Vân Côi, cuối tuyến là hẻm cụt, chiều dài khoảng 41,5m.

+ Nhánh 18 - đoạn đường Ba Gia: đầu tuyến giáp nhà số 1A Ba Gia, cuối tuyến đường Phú Hòa, chiều dài khoảng 261,45m.

+ Nhánh 19 - đường Bến Cát: đầu tuyến giáp đường Nghĩa Phát, cuối tuyến giáp đường Phú Hòa, chiều dài khoảng 210,23m.

+ Nhánh 20 - hẻm 196 Nghĩa Phát: đầu tuyến giáp nhà số 8 Vân Côi, cuối tuyến giáp đường Nghĩa Phát, chiều dài khoảng 85,08m.

+ Nhánh 21 - hẻm 15 Đặng Lộ đầu tuyến giáp đường Đặng Lộ, cuối tuyến giáp nhà số 15/17 Đặng Lộ, chiều dài khoảng 61,7m.

+ Nhánh 22 - hẻm 107 dường Bành Văn Trân:

• Đoạn 1: Từ đường Bành Văn Trân đến nhà số 107/43 Bành Văn Trân, chiều dài khoảng 139,49m.

• Đoạn 2: Từ hẻm 107 Bành Văn Trân đến nhà số 107/17/7 Bành Văn Trân chiều dài khoảng 20,2m.

• Đoạn 3: Từ hẻm 107 Bành Văn Trân đến nhà số 107/21/8 Bành Văn Trân chiều dài khoảng 18,93m.

+ Nhánh 23 - hẻm số 87/22 đường Bành Văn Trân:

• Đoạn 1: Từ nhà số 87/22 Bành Văn Trân, điểm cuối giáp với nhà số 87/22/15 Bành Văn Trân chiều dài khoảng 49,12m.

• Đoạn 2: Từ nhà số 87/22/75 Bành Văn Trân đến nhà số 87/22/14 Bành Văn Trân chiều dài khoảng 138,05m.

• Đoạn 3: Từ nhà số 87/22/15 Bành Văn Trân đến nhà số 87/22/25 Bành Văn Trân chiều dài khoảng 28,82m.

• Đoạn 4: Từ nhà số 87/22/69 Bành Văn Trân đến nhà số 87/22/53 Bành Văn Trân chiều dài khoảng 35,38m.

+ Nhánh 24 - đường Phú Hòa: đầu tuyến giáp đường Lý Thường Kiệt, cuối tuyến giáp đường Bến Cát, chiều dài khoảng 231,71m.

+ Nhánh 25 - đường Đặng Lộ: đầu tuyến giáp đường Chữ Đồng Tử, cuối tuyến giáp đường Nghĩa Phát, chiều dài khoảng 156,55m.

+ Nhánh 26 - hẻm 8/10 Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giao với hẻm 8 Nguyễn Đình Khơi, cuối tuyến là hẻm cụt, chiều dài 31,78m.

+ Nhánh 27 - hẻm 27/28 Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giao với hẻm 27 Nguyễn Đình Khơi, cuối tuyến giao với hẻm 31 Nguyễn Đình Khơi, chiều dài 25,31m.

+ Nhánh 28 - hẻm 1/13 Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giao với hẻm 1 Nguyễn Đình Khơi, cuối tuyến là hẻm cụt, chiều dài 21,50m.

+ Nhánh 29 - hẻm 1/23 Nguyễn Đình Khơi: đầu tuyến giao với hẻm 1 Nguyễn Đình Khơi, cuối tuyến là hẻm cụt, chiều dài 25,50m.

+ Nhánh 30 - hẻm 20 đường Tự Cường: đầu tuyến giao với đường Tự Cường, cuối tuyến là hẻm cụt, chiều dài 17,0m.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: 6.206,25m^2.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhất.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất.

7. Các nhà thầu tư vấn:

7.1 Nhà thầu khảo sát: Công ty TNHH MTV Xây dựng Lộc An Phú. Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0307779442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 17 tháng 03 năm 2009 và thay đổi lần thứ 6 ngày 31 tháng 07 năm 2018.

7.2. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH MTV Xây dựng Lộc An Phú. Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu

hạn một thành viên số 0307779442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 17 tháng 03 năm 2009 và thay đổi lần thứ 6 ngày 31 tháng 07 năm 2018.

7.3. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH MTV Dịch vụ tư vấn An Thảo. Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0312806772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 04 tháng 6 năm 2014 và thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 12 năm 2024.

8. Mục tiêu dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp mặt đường bê tông nhựa và bê tông xi măng, đồng thời làm mới hệ thống thoát nước nhằm để thuận lợi và cần thiết cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân, giải quyết vấn đề thoát nước đồng bộ, tránh ngập nước khi mưa; đồng thời sẽ cải tạo tốt hơn môi trường sống của người dân, góp phần chỉnh trang đô thị sạch-đẹp, góp phần phát triển kinh tế người dân và nhằm nâng cao ý thức của người dân trong khu vực

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1 Quy mô:

- Cải tạo, nâng cấp mặt đường bê tông nhựa và mặt đường bê tông xi măng chiều rộng theo hiện trạng từ 1,2m đến 9,0m.

- Xây mới vỉa hè bê tông xi măng và vỉa hè lát gạch terazo, xây mới bó vỉa bê tông xi măng 0,35m hai bên tuyến (đối với các nhánh hẻm nâng cấp mặt đường bê tông nhựa).

- Phần thoát nước: Xây mới cống dọc có đường kính từ D400 đến D1000 và cống ngang D300 - D400 đảm bảo lưu vực thoát nước dự án. Xây mới hầm ga bê tông kích thước 0,7m x 1,0m; 1,2m x 1,2m; 1,4m x 1,4m; 1,6m x 1,9m cho cống D300 - D1000.

(Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và dự toán)

9.2. Giải pháp kỹ thuật:

9.2.1 Phần giao thông:

- Kết cấu áo đường bê tông nhựa làm mới:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày 7cm, K ≥ 0,98.
+ Tưới thấm bám bằng nhũ tương CSS-1h tiêu chuẩn 1,0kg/m2.
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 12,5cm, K≥0,98; Dmax=25mm.
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 12,5cm, K≥0,98; Dmax=25mm.
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 15cm, K≥0,98; Dmax=37,5mm.
+ Nền đào đầm chặt K≥0,98.

- Kết cấu áo đường bê tông nhựa nâng cấp:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày 4cm, K ≥ 0,98.
+ Tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0.5kg/m2
+ Bù vênh bê tông nhựa chặt 9,5 dày trung bình, K ≥ 0,98.
+ Tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0.5kg/m2

- Kết cấu áo đường bê tông nhựa mở rộng:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày 4cm, K ≥ 0,98.
+ Tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0.5kg/m2

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày 5cm, K ≥ 0,98.
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 12,5cm, K≥0,98; Dmax=25mm.
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 12,5cm, K≥0,98; Dmax=25mm.
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 15cm, K≥0,98; Dmax=37,5mm.
+ Nền đào đầm chặt K≥0,98.

- Kết cấu áo đường bê tông xi măng:

+ Trải cán bê tông xi măng đá 1x2 B22.5(M300) dày 18cm;
+ Trải giấy dầu ngăn cách nền đường;
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, K≥0,98; Dmax=25mm.
+ Nền đào đầm chặt K≥0,95.

- Kết cấu áo đường vuốt nối:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày trung bình 5cm, K ≥ 0,98.
+ Tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0.5kg/m2
+ Vệ sinh mặt đường hiện hữu.

- Kết cấu vỉa hè bê tông xi măng:

+ Trải cán bê tông xi măng đá 1x2 B15(M200) dày 7cm;
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I dày 10cm, K≥0,95; Dmax=25mm.
+ Nền đào (đắp) đầm chặt, K≥0,90.

- Kết cấu vỉa hè gạch Terrazzo:

+ Lát gạch Terazo 40cm x 40cm
+ Vữa đệm M75 dày 1,5cm
+ Bê tông đá 1x2 (M200) dày 5cm
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I dày 10cm; K≥0,95, Dmax=25mm
+ Nền đào (đắp) đầm chặt, K≥0,90;

- Kết cấu bó vỉa:

+ Bó vỉa 0,35m có lòng máng rộng 0,15m, có cao độ đỉnh bó vỉa cao hơn cao độ mép đường tại vị trí đặt bó vỉa là 0,10m. Bó vỉa bằng bê tông xi măng đá 1x2 B22,5 (M300) đổ tại chỗ, khoảng cách 2m bố trí khe rộng 2mm.

+ Tại vị trí hầm ga lắp lưới chắn rác sử dụng bó vỉa bê tông đá 1x2 B22,5 (M300) rộng 0,20m.

9.2.2 Phần thoát nước: Xây mới cống dọc có đường kính từ D400 đến D1000 và cống ngang D300 - D400 đảm bảo lưu vực thoát nước dự án. Xây mới hầm ga bê tông kích thước; 1,2m x 1,2m; 1,4m x 1,4m; 1,6m x 1,9m cho cống D400 - D1000. Xây mới hầm ga BTXM kích thước 0,7m x 1,0m cho cống ngang D300 và hầm ga BTXM kích thước 1,2m x 1,2m cho cống ngang D400.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

10.1 Số bước thiết kế: Dự án thực hiện theo thiết kế 02 bước.

10.2 Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

a. Về khảo sát:

- Tiêu chuẩn TCCS 41:2022/TCDBVN. Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát trên nền đất yếu.

- Tiêu chuẩn TCVN 9398:2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.

- Quy chuẩn QCVN 04:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ.

- Quy chuẩn QCVN 11:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao.

- Tiêu chuẩn ngành: 96 TCN 43:1990 - Qui phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000 do Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước ban hành.

- Các tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành và các tài liệu chuyên ngành có liên quan.

b. Về thiết kế:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2023/BXD.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-2:2023/BXD các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình thoát nước.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-4:2023/BXD các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông.

- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCVN 13592:2022.

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005.

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2018.

- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN.

- Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông TCCS 39:2022/TCĐBVN.

- Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình - Yêu cầu thiết kế TCVN 7957:2023.

- Các tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành và các tài liệu chuyên ngành có liên quan.

c. Về yêu cầu vật liệu, thi công và nghiệm thu:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng QCVN 16:2023/BXD.

- Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật TCVN 7570:2006.

- Thép cốt bê tông - Thép thanh tròn trơn và thép thanh văn TCVN 1651:2018.

- Công tác đất - Thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012.

- Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2023.

- Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu TCVN 13567:2022.

- Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông TCCS 40:2022/TCĐBVN.

- Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012.

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu TCVN 9115:2019.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - An toàn trong xây dựng QCVN 18:2021/BXD.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 06:2022/BXD.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện QCVN 01:2020/BCT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy hàn điện và công việc hàn điện QCVN 03:2011/BLĐTBXH.

- Các tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành và các tài liệu chuyên ngành có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư: 41.800.000.000 đồng *(bằng chữ: Bốn mươi mốt tỷ, tám trăm triệu đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	37.274.564.881 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	896.682.145 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	2.953.150.687 đồng
- Chi phí khác	:	455.649.182 đồng
- Chi phí dự phòng	:	219.953.105 đồng

12. Thời gian thực hiện dự án/giai đoạn thực hiện dự án/phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án *(đối với dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư)*: năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

13.1. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu.

13.2. Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án, khởi công công trình:

+ Kế hoạch thực hiện: năm 2026.

+ Phân bố vốn kế hoạch: 13.000.000.000 đồng.

- Giai đoạn thực hiện dự án:

+ Kế hoạch thực hiện: năm 2027.

+ Phân bố vốn kế hoạch dự kiến: 27.000.000.000 đồng.

- Giai đoạn kết thúc dự án:

+ Kế hoạch thực hiện: năm 2028.

+ Phân bố vốn kế hoạch dự kiến: 1.800.000.000 đồng.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

15. Các nội dung khác (nếu có): Chủ đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan để giám sát cộng đồng theo Nghị định số Nghị định 19/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Đề nghị Chủ đầu tư lưu ý thực hiện các nội dung theo Công văn số 403/KTHTĐT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đình Khơi, đường Bến Cát, đoạn đường Ba Gia, đoạn đường Vân Côi, 15 Đặng Lộ và các hẻm nhánh, phường Tân Sơn Nhất.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về:

+ Thực hiện thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

+ Tính chính xác về nội dung, các số liệu trong hồ sơ trình duyệt; sử dụng vật liệu hợp lý tránh lãng phí ngân sách Nhà nước và theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về chi tiết kỹ thuật, tính toán, khối lượng, đơn giá, định mức, việc áp dụng giá vật liệu xây dựng theo thực tế trong hồ sơ.

+ Giá trị dự toán, tổng dự toán công trình được thẩm định chỉ dùng làm cơ sở để thực hiện các bước tiếp theo của quá trình triển khai thực hiện dự án (công tác phê duyệt, lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng), không dùng để thanh toán cho nhà thầu.

+ Đối với chi phí thiết bị, trước khi triển khai thực hiện, chủ đầu tư có trách nhiệm xác định danh mục, quy cách, chủng loại, đặc tính kỹ thuật chi tiết của thiết bị trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị, phương tiện làm việc của cơ quan, tổ chức đơn vị, thiết kế cơ sở, dự án được duyệt, nhu cầu thực tế trên tinh

thần tiết kiệm làm cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu mua sắm vật tư thiết bị lắp đặt vào công trình, tổ chức lựa chọn nhà thầu, kiểm tra, nghiệm thu quyết toán công trình và tự chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

+ Cần phải kiểm tra, rà soát chuẩn xác khối lượng trong dự toán trước khi phê duyệt dự toán gói thầu, chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ và quản lý chi phí này từ giai đoạn đấu thầu đến giai đoạn thi công xây dựng, khi thanh quyết toán công trình phải có hóa đơn, chứng từ chứng minh thực tế thực hiện. Việc thanh toán, quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành về tài chính.

+ Trường hợp điều chỉnh dự toán xây dựng phải thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

+ Đảm bảo vật tư, thiết bị đưa vào công trình theo đúng yêu cầu thiết kế được duyệt; trừ trường hợp đã được cấp quyết định đầu tư thay đổi, điều chỉnh; đồng thời, phải được các bên liên quan kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong quá trình thi công xây lắp và lắp đặt thiết bị tại hiện trường. Khi thanh toán phải có chứng từ hóa đơn theo quy định.

+ Kiểm tra chặt chẽ, thường xuyên việc đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ, lắp dựng cấu kiện, giàn giáo, … trong suốt qua trình thi công xây dựng công trình, đảm bảo an toàn không gây sụt lở và ảnh hưởng bất lợi cho công trình và các công trình lân cận.

+ Cần đảm bảo kết nối đồng bộ giữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị.

+ Chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện khởi công xây dựng theo Điều 48 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025.

+ Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý chặt chẽ chỉ phí xây dựng không để thất thoát lãng phí, đảm bảo tiến độ, hiệu quả đầu tư; tổ chức thực hiện đầy đủ công tác giám sát, đánh giá đầu tư, thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

+ Chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng công trình theo quy định đối với từng chủ thể tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng hoặc quy định pháp luật mới liên quan có hiệu lực thi hành để hướng dẫn thực hiện Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025.

+ Đối với việc đóng dấu xác nhận thẩm định thực hiện theo khoản 8 Điều 36 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

+ Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định pháp luật về lưu trữ và đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi cần xem xét theo quy định tại khoản 9 Điều 36 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

+ Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và khối lượng công trình. Khối lượng được quyết toán theo thực tế thi công nhưng không vượt tổng mức đầu tư của dự án được duyệt, đề nghị chủ đầu tư quyết toán theo thực tế thi công. Chủ đầu tư phải tiến hành kiểm định chất lượng công trình, kết cấu chịu lực công trình. Chủ đầu tư và đơn vị thi công xây lắp, mua sắm lắp đặt trang thiết bị công trình tổ chức nghiệm thu theo đúng tinh thần của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ và các văn bản hiện hành khác theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Sơn Nhất; Kho bạc Nhà nước khu vực II - Phòng Giao dịch số 7 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- TT.UBND/P (CT, PCT/KTHTĐT);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Đủ

